

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
V/v: Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Nhớ.
2. Ông Danh Rết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp T4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Giáp D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày: Tôi với anh Nguyễn Giáp D chính thức cưới nhau vào năm 1993 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Ngay thời gian đầu cả hai chung sống không có hạnh phúc, vì không có tìm hiểu nhau trước; đến khoảng tháng 6 năm 2022 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, căng thẳng, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân; tôi tha thiết xin Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Giáp D.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Giáp D chung sống có 04 con chung là Nguyễn Thị Hồng Kh, sinh ngày 09/8/1994-giới tính: nữ; Nguyễn Thị Huỳnh Nh,

sinh ngày 06/8/1996-giới tính: nữ; Nguyễn Thị Khả Á, sinh ngày 09/5/2002-giới tính: nữ và Nguyễn Thị Khả Kh, sinh ngày 20/12/2005-giới tính: nữ. Hiện tại Hồng Kh và Huỳnh Nh đã lập gia đình và sống riêng. Còn Khả Á tuy chưa có gia đình nhưng tự sinh sống riêng. Đối với Khả Kh đang ở với tôi và do tôi trực tiếp nuôi dưỡng; Khả Kh có nguyện vọng ở với ai người đó trực tiếp nuôi dưỡng; trường hợp ở với tôi thì tôi nuôi dưỡng không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về Tài sản chung: Tôi và anh D không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và anh D không có nợ ai và ai nợ lại.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2022 Bị đơn anh Nguyễn Giáp D trình bày: Tôi và cô Lý Thị H cưới nhau vào năm 1993 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Do vợ chồng không có tiếng nói chung, nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của cô Lý Thị H.

Về con chung: Tôi và cô H chung sống có 04 con chung là Nguyễn Thị Hồng Kh, sinh năm 1994-giới tính: nữ; Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1996-giới tính: nữ; Nguyễn Thị Khả Á, sinh năm 2002-giới tính: nữ và Nguyễn Thị Khả Kh, sinh năm 2005-giới tính: nữ.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên đơn chị Lý Thị H: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn anh Nguyễn Giáp D: Vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các bên đương sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D. Về con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng Kh; Nguyễn Thị Huỳnh Nh và Nguyễn Thị Khả Á đến nay đã đủ 18 tuổi nên không phải xem xét; còn cháu Nguyễn Thị Khả Kh giao cho chị Lý Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Giáp D không phải cấp dưỡng, do chị Lý Thị H không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có và không tranh chấp, nên không phải giải quyết. Buộc chị Lý Thị H chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Lý Thị H tranh chấp xin ly hôn đối với anh Nguyễn Giáp D có nơi cư trú tại Ấp T4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn anh Nguyễn Giáp D không có yêu cầu.

[3] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ; hòa giải việc nuôi con chung và ghi nhận ý kiến được kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D khai nhận cả hai cưới nhau vào năm 1993 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Theo chị H khai nhận do không có tìm hiểu nhau trước nên sau khi cưới không có hạnh phúc; thường xuyên mâu thuẫn và sống ly thân khoảng 01 năm nay. Thời gian sống ly thân chị H và anh D không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng nuôi dưỡng với nhau nữa. Do chị H xét thấy không thể cùng anh D tiếp tục chung sống hạnh phúc, nên chị H cương quyết xin ly hôn anh D; còn anh D cũng đồng ý ly hôn đối với chị H.

Theo kết quả xác minh tại Phòng tư pháp huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang thì chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D cưới nhau làm vợ, làm chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”* Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.” Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D.

[5] Về con chung: Chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D khai nhận có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Kh, sinh ngày 09/8/1994-giới tính: nữ; Nguyễn Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 06/8/1996-giới tính: nữ; Nguyễn Thị Khả Á, sinh ngày 09/5/2002-giới tính: nữ và Nguyễn Thị Khả Kh, sinh ngày 20/12/2005-giới tính: nữ. Cháu Khả Kh hiện đang chung sống với chị H và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khả Khả đến đủ 18 tuổi; phù hợp với nguyện vọng của cháu Khả Khả, nên tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu Khả Kh, do chị H không có yêu cầu. Riêng các cháu Hồng Kh, Huỳnh Nh và Khả Á đã đủ 18 tuổi; không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh D trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ ai và ai nợ lại, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lý Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên Bó: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khả Kh, sinh ngày 20/12/2005-giới tính: nữ cho chị Lý Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu Khả Kh. Anh Nguyễn Giáp D không phải cấp dưỡng nuôi cháu Khả Kh, do chị Lý Thị H không có yêu cầu.

Riêng các cháu Hồng Kh, Huỳnh Nh và Khả Á đã đủ 18 tuổi; không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Giáp D và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Khả Kh của chị Lý Thị H.

Chị Lý Thị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Giáp D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Khả Kh.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị H và anh Nguyễn Giáp D khai nhận trong quá trình chung sống không có tạo lập được tài sản chung, nợ chung qua lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lý Thị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lý Thị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002738 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, nên chị H không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Giang Thành;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân